

Số: /KH-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 4 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện công tác giảm nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 Quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh năm 2026, với các nội dung như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

##### 1. Mục đích:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo; làm cơ sở cho các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo năm 2026; hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ công tác giảm nghèo trong năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030.

##### 2. Yêu cầu:

- Công tác giảm nghèo tiếp tục xác định là nhiệm vụ quan trọng, cần có sự vào cuộc quyết liệt thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị (đặc biệt là cấp cơ sở); tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, nâng cao hiệu quả chính sách hỗ trợ đến đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

- Kế hoạch thực hiện của các địa phương cần đảm bảo mục tiêu, xác định rõ nội dung, giải pháp thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo các cấp trong tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

## **II. MỤC TIÊU:**

### **1. Mục tiêu chung:**

- Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Tổ chức thực hiện đạt chỉ tiêu giảm nghèo năm 2026 theo Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

### **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025) từ 2,68% thời điểm cuối năm 2025 xuống còn 2% cuối năm 2026 (*tỷ lệ hộ nghèo năm 2026 giao cho các xã, phường theo Phụ lục đính kèm*).

- Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu, đủ điều kiện được vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế và tiếp cận các chính sách an sinh xã hội cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:**

Triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn, phát huy những kết quả đã đạt được, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị - xã hội để thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo năm 2026. Trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ giải pháp chủ yếu sau:

1. Hướng dẫn, triển khai các nội dung thành phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

2. Triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025) phản ánh đúng thực trạng đời sống kinh tế xã hội của địa phương, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo chính xác, công bằng, không bỏ sót đối tượng.

3. Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp dân cư và người nghèo nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, vận động nhân dân cùng góp sức thực hiện công tác giảm nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách, nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo bền vững, vươn lên khá giả.

4. Tiếp tục vận động các nguồn lực từ xã hội để thực hiện công tác giảm nghèo như các hình thức hỗ trợ từ Quỹ "Vì người nghèo" và công tác an sinh xã hội.

5. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, nhất là cấp cơ sở.

6. Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện tại địa phương, cơ sở; phát hiện và xử lý nghiêm các biểu hiện, vụ việc vi phạm, lợi dụng chính sách, nguồn lực đầu tư cho giảm nghèo; biểu dương kịp thời các gương điển hình, các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp, nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

7. Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo đa chiều, bao gồm:

- Tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo: chủ động rà soát nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và triển khai cho vay kịp thời các nguồn vốn tín dụng ưu đãi đến đối tượng thụ hưởng theo quy định. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên nhất là sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, sinh viên thuộc gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Đảm bảo thành viên của hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu đi xuất khẩu lao động đều được vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội.

- Hỗ trợ về giáo dục: thực hiện miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh bán trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ. Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh nghèo theo quy định. Vận động tặng sách vở, đồ dùng học tập, học bổng cho học sinh nghèo vượt khó. Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Hỗ trợ về y tế: thực hiện có hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; duy trì chính sách hỗ trợ đóng 30% BHYT cho người thuộc hộ cận nghèo, 20% BHYT cho người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

- Hỗ trợ nhà ở: tiếp tục vận động nguồn lực xóa nhà tạm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo ở khu vực nông thôn, miền núi để cải thiện nhà ở, ưu tiên hộ nghèo có người cao tuổi, người khuyết tật; thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở.

- Hỗ trợ về nước sạch và vệ sinh: hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả việc xây dựng các công trình nước sạch tập trung và phân tán; chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ tiếp cận thông tin: triển khai thực hiện tốt và đa dạng hoá các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, phổ biến các chính sách về giảm nghèo và Chương trình giảm nghèo bền vững của tỉnh. Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân. Xây dựng Bảng tin công cộng tại một số xã trên địa bàn. Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin, truyền truyền. Cung cấp dịch

vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ việc làm bền vững: tạo cơ hội cho người nghèo có việc làm ổn định thông qua việc hỗ trợ kết nối việc làm, giao dịch việc làm. Khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện địa phương để tăng thu nhập cho người dân. Đồng thời, thúc đẩy kết nối người lao động với doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất và khu công nghiệp để nâng cao cơ hội việc làm ổn định, qua đó giúp người nghèo tự vươn lên, cải thiện đời sống và từng bước thoát nghèo bền vững.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN:**

1. Kinh phí thực hiện từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Huy động các nguồn kinh phí hỗ trợ, giúp đỡ từ các tổ chức, cá nhân, các cơ quan được giao đỡ đầu các địa phương kết nghĩa và từ các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định; huy động tham gia từ vốn góp, ngày công lao động, vật tư... của người dân, của cộng đồng.

3. Kinh phí chuyên nguồn quy định tại khoản 7, Điều 1 Nghị quyết 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.

4. Chủ động khai thác sử dụng có hiệu quả các tiềm năng thế mạnh từ các nguồn lực tự nhiên và nguồn lực kinh tế - xã hội của địa phương.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và theo dõi, kiểm tra thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo các cấp.

- Chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025. Hướng dẫn các địa phương thực hiện thu thập và cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

##### **2. Sở Tài chính:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai

đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 để các sở, ngành, đơn vị địa phương triển khai thực hiện.

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn đối ứng nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện Chương trình.

- Hướng dẫn các đơn vị sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, đúng đối tượng và thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

### **3. Sở Dân tộc và Tôn giáo:**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, tổng hợp tình hình và báo cáo theo quy định.

### **4. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

- Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo cấp xã và các đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ở các cấp học, bậc học theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh bán trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ; chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên và các chính sách hỗ trợ khác đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chủ trì, hướng dẫn việc vận động đảm bảo trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đào tạo nghề cho người lao động thuộc diện được hưởng chính sách, đặc biệt người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### **5. Sở Y tế:**

- Chủ trì tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chú trọng công tác phòng bệnh từ cấp thôn, bản, cải thiện dinh dưỡng. Tạo điều kiện nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên y tế thôn bản. Quy hoạch, đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh cho các bệnh viện và y tế cơ sở để đảm bảo người nghèo, người cận nghèo và người dân đều được tiếp cận với dịch vụ y tế với hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền về ý nghĩa, lợi ích của bảo hiểm y tế toàn dân, đảm bảo thường xuyên, liên tục trong năm.

### **6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:**

- Chỉ đạo, hướng dẫn tăng cường tuyên truyền về công tác giảm nghèo; giới thiệu các mô hình giảm nghèo bền vững, hiệu quả, các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến trong công tác giảm nghèo trên báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và các phương tiện truyền thông khác.

### **7. Sở Nội vụ:**

- Chủ trì, hướng dẫn triển khai công tác hỗ trợ kết nối việc làm, giao dịch việc làm thông qua sàn giao dịch việc làm, kết nối doanh nghiệp với người lao động nghèo trên địa bàn tỉnh.

### **8. Sở Xây dựng:**

- Phối hợp với các tổ chức hội, đoàn thể như: Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội... vận động nguồn lực hỗ trợ nhà ở cho đối tượng chính sách thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ở khu vực nông thôn, miền núi để cải thiện nhà ở, ưu tiên hộ nghèo có người cao tuổi, người khuyết tật.

### **9. Sở Tư pháp:**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành địa phương liên quan thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

### **10. Đề nghị Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội:**

- Tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân hưởng ứng, tham gia các chương trình hỗ trợ giảm nghèo phù hợp, hiệu quả; tuyên truyền, vận động nhân dân phối hợp tham gia xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả; xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; lồng ghép các Chương trình mục tiêu với hoạt động của đơn vị mình nhằm tạo sức mạnh tổng hợp cho kế hoạch giảm nghèo bền vững.

- Vận động, xây dựng Quỹ “Vì người nghèo” nhằm bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo cho người yếu thế trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia giám sát, kiểm tra đánh giá việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; đảm bảo nguyên tắc công bằng, dân chủ, công khai từ cơ sở, khu dân cư. Giám sát các hoạt động thực hiện các chính sách, dự án về giảm nghèo.

### **11. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:**

- Chủ động rà soát nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình và triển khai cho vay kịp thời nguồn vốn các chương trình tín dụng ưu đãi đến đối tượng thụ hưởng theo quy định. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Đảm bảo các thành viên của hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu xuất khẩu lao động, đủ điều kiện đều được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Đề xuất các cá nhân, tổ chức quản lý, sử dụng tốt nguồn vốn vay ưu đãi có hiệu quả, góp phần giúp các hộ thoát nghèo, tạo việc làm mang tính điển hình, cần tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng.

### **12. UBND các xã, phường:**

- Xây dựng kế hoạch thực hiện giảm nghèo năm 2026, đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Ban hành kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn quản lý.

- Chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án thực hiện trên địa bàn để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đảm bảo đồng bộ, hiệu quả. Cân đối, bổ sung vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để hỗ trợ thực hiện, hoàn thành các mục tiêu giảm nghèo theo quy định.

- Vận động, huy động các nguồn lực của địa phương, nguồn lực con người từ cộng đồng, người dân, bằng nhiều hình thức giúp đỡ người nghèo khắc phục khó khăn vươn lên thoát nghèo; lồng ghép công tác giảm nghèo với sử dụng, khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của địa phương.

- Tổ chức đôn đốc, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện.

- Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành trong việc triển khai, thực hiện. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về thực hiện các chỉ tiêu giảm nghèo được giao năm 2026 của địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN&MT;
- TTTU, TTHĐND, UBMTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: TU, ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP;
- Các phòng: TH, KT, KGVX;
- Lưu: VT, NN10, NN4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đinh Công Sứ**

**Phụ biểu**  
**TỶ LỆ HỘ NGHÈO NĂM 2026**  
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 4 năm 2026*  
*của UBND tỉnh Phú Thọ)*

STT	Đơn vị	Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2026 (%)
	<b>TOÀN TỈNH</b>	<b>2,0</b>
1	Phường Việt Trì	0,23
2	Phường Thanh Miếu	0,16
3	Phường Nông Trang	0,21
4	Phường Vân Phú	0,44
5	Xã Hy Cương	0,37
6	Phường Phú Thọ	0,56
7	Phường Phong Châu	0,62
8	Phường Âu Cơ	0,51
9	Xã Phù Ninh	0,58
10	Xã Dân Chủ	1,1
11	Xã Phú Mỹ	1,18
12	Xã Trạm Thán	1,1
13	Xã Bình Phú	1,07
14	Xã Lâm Thao	0,46
15	Xã Phùng Nguyên	0,69
16	Xã Xuân Lũng	0,9
17	Xã Bản Nguyên	0,51
18	Xã Tam Nông	0,76
19	Xã Vạn Xuân	1,3
20	Xã Thọ Văn	1,08
21	Xã Hiền Quan	1,5
22	Xã Tu Vũ	1,25
23	Xã Thanh Thủy	1,07
24	Xã Đào Xá	1,12
25	Xã Bằng Luân	2,88
26	Xã Chí Đám	2,31
27	Xã Tây Cốc	1,86
28	Xã Đoan Hùng	2,26
29	Xã Chân Mộng	2,4
30	Xã Thanh Ba	2,28
31	Xã Quảng Yên	2,49
32	Xã Hoàng Cương	2,14
33	Xã Đông Thành	2,23
34	Xã Chí Tiên	1,57
35	Xã Liên Minh	1,67
36	Xã Hạ Hoà	2,05

<b>STT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2026 (%)</b>
37	Xã Đan Thượng	3,89
38	Xã Yên Kỳ	3,25
39	Xã Vĩnh Chân	3,16
40	Xã Hiền Lương	2,91
41	Xã Văn Lang	3,59
42	Xã Tiên Lương	3,05
43	Xã Vân Bán	4,39
44	Xã Cẩm Khê	1,92
45	Xã Phú Khê	3,21
46	Xã Hùng Việt	2,5
47	Xã Đồng Lương	2,13
48	Xã Sơn Lương	6,84
49	Xã Xuân Viên	5,24
50	Xã Yên Lập	4,07
51	Xã Thượng Long	4,72
52	Xã Minh Hòa	5,44
53	Xã Trung Sơn	11,17
54	Xã Thanh Sơn	1,48
55	Xã Võ Miếu	2,02
56	Xã Cự Đồng	4,45
57	Xã Hương Càn	6,04
58	Xã Văn Miếu	7,44
59	Xã Khả Cửu	10,99
60	Xã Yên Sơn	8,44
61	Xã Tân Sơn	8,34
62	Xã Minh Đài	5,8
63	Xã Long Cốc	8,51
64	Xã Xuân Đài	11,77
65	Xã Lai Đồng	9,47
66	Xã Thu Cúc	8,25
67	Xã Lập Thạch	0,31
68	Xã Tiên Lữ	0,3
69	Xã Thái Hòa	0,63
70	Xã Liên Hòa	0,55
71	Xã Hợp Lý	0,43
72	Xã Sơn Đông	0,27
73	Xã Tam Đảo	0,25
74	Xã Đại Đình	0,27
75	Xã Đạo Trù	0,6
76	Xã Tam Dương	0,29
77	Xã Hội Thịnh	0,16
78	Xã Hoàng An	0,2

<b>STT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2026 (%)</b>
79	Xã Tam Dương Bắc	0,35
80	Xã Bình Nguyên	0,21
81	Xã Xuân Lãng	0,46
82	Xã Bình Xuyên	0,19
83	Xã Bình Tuyên	0,3
84	Phường Vĩnh Phúc	0,15
85	Phường Vĩnh Yên	0,3
86	Xã Tam Sơn	0,46
87	Xã Sông Lô	0,49
88	Xã Hải Lựu	0,56
89	Xã Yên Lãng	0,48
90	Xã Vĩnh Tường	0,08
91	Xã Thổ Tang	0,29
92	Xã Vĩnh Hưng	0,51
93	Xã Vĩnh An	0,27
94	Xã Vĩnh Phú	0,37
95	Xã Vĩnh Thành	0,23
96	Xã Yên Lạc	0,4
97	Xã Tề Lỗ	0,17
98	Xã Liên Châu	0,49
99	Xã Tam Hồng	0,3
100	Xã Nguyệt Đức	0,41
101	Phường Phúc Yên	0,1
102	Phường Xuân Hoà	0,21
103	Xã Cao Phong	1,81
104	Xã Mường Thàng	2,14
105	Xã Thung Nai	2,73
106	Xã Đà Bắc	3,85
107	Xã Cao Sơn	16,32
108	Xã Đức Nhân	16,51
109	Xã Quy Đức	14,79
110	Xã Tân Pheo	15,76
111	Xã Tiên Phong	12,36
112	Xã Kim Bôi	3,56
113	Xã Mường Động	5,59
114	Xã Dũng Tiến	6,68
115	Xã Hợp Kim	3,18
116	Xã Nật Sơn	8,57
117	Xã Lạc Sơn	3,61
118	Xã Mường Vang	6,48
119	Xã Đại Đồng	3,32
120	Xã Ngọc Sơn	14,02

<b>STT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2026 (%)</b>
121	Xã Nhân Nghĩa	5,77
122	Xã Quyết Thắng	10,01
123	Xã Thượng Cốc	5,41
124	Xã Yên Phú	4,97
125	Xã Lạc Thủy	2,38
126	Xã An Bình	5,24
127	Xã An Nghĩa	2,14
128	Xã Lương Sơn	0,21
129	Xã Cao Dương	1,57
130	Xã Liên Sơn	0,61
131	Xã Mai Châu	6,41
132	Xã Bao La	5,2
133	Xã Mai Hạ	1,29
134	Xã Pà Cò	14,22
135	Xã Tân Mai	21,96
136	Xã Tân Lạc	2,13
137	Xã Mường Bi	4,6
138	Xã Mường Hoa	7,36
139	Xã Toàn Thắng	3,78
140	Xã Vân Sơn	7,47
141	Xã Yên Thủy	1,18
142	Xã Lạc Lương	4,46
143	Xã Yên Trị	1,48
144	Xã Thịnh Minh	1,25
145	Phường Hòa Bình	0,29
146	Phường Kỳ Sơn	1,25
147	Phường Tân Hòa	0,72
148	Phường Thống Nhất	0,63